

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Transimex Logistics thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 2 năm 2024 với Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS**

- Mã chứng khoán: TOT
- Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 028 3729 7373
- Email: tmstrans.info@transimex.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: BCTC Quý 2 năm 2024.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên, có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm ...):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/7/2024 tại đường dẫn <https://transimextrans.com.vn/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong quý 2 năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

Nội dung giao dịch: Các giao dịch liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ logistics, sử dụng dịch vụ logistics; Các giao dịch liên quan đến việc chi hộ để thực hiện việc sử dụng và cung cấp dịch vụ logistics; mua tài sản cố định.

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): 75.9%.

- Ngày hoàn thành giao dịch: các giao dịch được ký theo dạng Hợp đồng nguyên tắc.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC.
- Văn bản giải trình.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Tôn Thất Hưng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CTY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Mã số thuế: **0307821849**

Đ/c: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza,
82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngành nghề KD: Vận tải đường bộ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
☉ ☉ ☉ ☉ ☉ ☉ ☉ ☉

BẢNG LIỆT KÊ HỒ SƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II Năm 2024

(Niên độ: Từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024)

Stt	Tên hồ sơ	Số tờ
01	Bảng cân đối kế toán	04
02	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	01
03	Lưu chuyển tiền tệ	02
04	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	17

TP. HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2024

Giám đốc

Nơi nhận:

- Cơ quan quản lý thuế
- Đơn vị kiểm toán
- Lưu Phòng kế toán

Ngày nhận:

Viên chức phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)



TRỊNH ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97,639,997,787	85,595,307,561
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11,765,324,599	17,826,535,575
1. Tiền	111		5,765,324,599	17,826,535,575
2. Các khoản tương đương tiền	112		6,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81,131,552,929	64,144,398,111
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	43,042,888,047	33,921,523,218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	4,198,399,127	4,670,134,992
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.5a	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.6	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.7a	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.8a	34,439,758,590	26,102,232,736
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.9	(549,492,835)	(549,492,835)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.10	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		437,758,487	428,170,684
1. Hàng tồn kho	141	V.11	437,758,487	428,170,684
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.11	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,305,361,772	3,196,203,191
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	3,823,508,582	3,196,203,191
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.26	481,853,190	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	V.13	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.14a	-	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		112,709,181,954	97,915,240,121
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		850,534,420	850,534,420
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	V.15	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.5b	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.7b	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8b	850,534,420	850,534,420
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.9	-	-
II. Tài sản cố định	220		96,628,516,346	93,144,937,681
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.16	96,575,078,832	93,079,625,171
- Nguyên giá	222		165,858,954,012	169,581,052,921
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69,283,875,180)	(76,501,427,750)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.17	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.18	53,437,514	65,312,510
- Nguyên giá	228		142,250,000	142,250,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(88,812,486)	(76,937,490)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.19	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11,668,271,996	3,484,628,150
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.20	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.21	11,668,271,996	3,484,628,150
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,561,859,192	435,139,870
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	3,561,859,192	435,139,870
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.23	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.14b	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		210,349,179,741	183,510,547,682

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		77,468,168,229	93,052,239,494
I. Nợ ngắn hạn	310		60,999,988,998	90,452,393,595
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.24a,c	47,200,013,255	72,305,659,092
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.25a	85,857,018	86,686,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.26	3,049,209,868	3,383,649,993
4. Phải trả người lao động	314	V.27	1,501,062,262	10,186,351
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.28a	319,992,316	921,558,798
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.29a	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	V.30	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.31a,c	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.32a,c	669,678,513	913,397,239
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.33a,c	8,174,175,766	10,060,215,636
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.34a	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.35	-	2,771,040,486
13. Quỹ bình ổn giá	323	V.36	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	V.37	-	-
II. Nợ dài hạn	330		16,468,179,231	2,599,845,899
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.24b,c	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.25b	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.28b	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	V.29b	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.31b,c	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.32b,c	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.33b,c	16,468,179,231	2,599,845,899
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.38	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	V.39	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.40	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.34b	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.41	-	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132,881,011,512	90,458,308,188
I. Vốn chủ sở hữu	410		132,881,011,512	90,458,308,188
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.42	83,707,950,000	60,444,860,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83,707,950,000	60,444,860,000

- Cổ phiếu ưu đãi	411b				
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.42	6,818,927,000		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.38, 42			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.42			
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.42			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.42			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.42			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.42			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.42			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.42			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.42	42,354,134,512	30,013,448,188	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30,013,448,188	10,303,346,996	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12,340,686,324	19,710,101,192	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.42			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430				
1. Nguồn kinh phí	431	V.43			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.44			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		210,349,179,741	183,510,547,682	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2024

Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Bảo Huy
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc

32
IG
PH
SI
SI
HC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
INCOME STATEMENT
QUÍ 2 NĂM 2024

Đơn vị tính: VND - Unit: VND

Chỉ tiêu Items	Mã số Code	QUÍ 2		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	68,624,989,230	57,934,223,893	129,501,147,650	112,345,788,535
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	68,624,989,230	57,934,223,893	129,501,147,650	112,345,788,535
4 Giá vốn hàng bán	11	48,629,255,180	41,164,297,257	95,486,883,934	85,884,874,877
5 Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	19,995,734,050	16,769,926,636	34,014,263,716	26,460,913,658
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5,977,253	2,227,934	9,830,275	4,435,407
7 Chi phí tài chính	22	292,734,732	594,303,826	614,847,167	1,228,274,317
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	285,443,562	576,269,227	594,782,031	1,210,869,662
8 Chi phí bán hàng	25	13,350,000	13,400,000	48,150,000	25,860,000
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7,885,505,252	8,759,343,086	15,091,374,308	10,385,909,742
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	11,810,121,319	7,405,107,658	18,269,722,516	14,825,305,006
11 Thu nhập khác	31	6,973,520	-	6,973,520	50,000,000
12 Chi phí khác	32	2,810,027,475	15,000,000	2,810,027,475	455,014,964
13 Lợi nhuận khác	40	(2,803,053,955)	(15,000,000)	(2,803,053,955)	(405,014,964)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9,007,067,364	7,390,107,658	15,466,668,561	14,420,290,042
*Trong đó: thu góp vốn liên doanh được chia từ LNST		-	-	-	-
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,826,061,998	1,478,147,520	3,125,982,237	2,884,058,008
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	7,181,005,366	5,911,960,138	12,340,686,324	11,536,232,034

Lập biểu

Phạm Đông Đức

Kế toán Trưởng

Nguyễn Bảo Huy

Tp. HCM, ngày 30 tháng 6 năm 2024



Trịnh Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÍ 2 NĂM 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ	Lũy kế từ
			01/01/2024 đến 30/06/2024	01/01/2023 đến 30/06/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15,466,668,561	14,420,290,042
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		10,064,692,470	7,280,584,263
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2,319,251,759	435,579,557
- Chi phí lãi vay	06		594,782,031	1,210,869,662
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28,445,394,821	23,347,323,524
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22,334,008,008)	6,724,379,060
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9,587,803)	(209,373,419)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10,029,489,255	1,279,158,083
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3,754,024,713)	(867,458,877)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,273,036,006)	(477,327,686)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.27	(3,052,676,054)	(1,973,888,221)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2,771,040,486)	(877,090,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5,280,511,006	26,945,722,064
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(28,198,845,719)	(26,640,540,811)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4,865,000,000	292,727,272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-

6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,830,275	4,435,407
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23,324,015,444)	(26,343,378,132)


CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ	Cho kỳ kế toán
			01/01/2024 đến 30/06/2024	01/01/2023 đến 30/06/2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ di vay	33		29,268,187,635	32,459,925,897
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(17,285,894,173)	(34,163,800,259)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11,982,293,462	(1,703,874,362)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6,061,210,976)	(1,101,530,430)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	17,826,535,575	6,766,050,251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	11,765,324,599	5,664,519,821


 Phạm Đông Đức
 Người lập biểu


 Nguyễn Bảo Huy
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2024

 Trịnh Anh Tuấn
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Transimex Logistics (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 274 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 290 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi bù trừ với khoản phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước ngắn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
Tiền mặt	247.375.768	453.529.986
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.517.948.831	17.373.005.589
Cộng	5.765.324.599	17.826.535.575

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
Phải thu các bên liên quan	19.712.440.879	10.215.974.389
Công ty Cổ phần Transimex	18.261.756.312	8.915.144.111
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	636.470.892	651.256.416
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	421.664.706	326.632.282
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	161.308.163	213.108.840
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	74.554.560	74.813.760

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
Công ty Cổ phần Vinafreight	156.686.246	35.018.980
Phải thu các khách hàng khác	23.330.447.168	23.705.548.829
Công ty TNHH Coats Phong Phú	12.879.789.274	11.661.023.843
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	1.604.222.199	1.299.462.024
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	77.760.000	1.192.860.000
Khách hàng khác	8.768.675.695	9.552.202.962
Cộng	43.042.888.047	33.921.523.218
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
Công ty TNHH Hoàng Phi Hải	3.977.500.000	2.625.000.000
Công ty Cổ phần Vân Nam	-	1.273.876.129
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	110.410.070	429.268.759
Khách hàng khác	110.489.057	341.990.104
Cộng	4.198.399.127	4.670.134.992
4. Các khoản phải thu khác		
4a. Phải thu ngắn hạn khác		
	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023
Phải thu ngắn hạn	24.988.636.909	19.661.042.464
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	206.752.000	248.980.000
Tạm ứng	9.244.369.681	6.596.738.008
Cộng	34.439.758.590	26.506.760.472
4b. Phải thu dài hạn khác		
Các khoản ký quỹ dài hạn		
5. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động vận tải		
	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023
Chi phí dịch vụ dở dang	-	-
Hàng hóa	-	-
Nguyên nhiên liệu, vật liệu	437.758.487	428.170.684
Cộng	437.758.487	428.170.684
6. Chi phí trả trước		
6a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023
Công cụ, dụng cụ	2.667.923.124	2.826.716.837

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023
Chi phí bảo hiểm	1.155.585.458	265.201.744
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	104.284.610
Cộng	3.823.508.582	3.196.203.191

6b. Tài sản ngắn hạn khác

Thuế GTGT được khấu trừ	331.691.664	-
Thuế và các khoản phải thu NN	150.161.526	-
Cộng	481.853.190	-

6c. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
Chi phí xây dựng văn phòng	2.730.752.000	-
Công cụ, dụng cụ khác	831.107.192	435.139.870
Cộng	3.561.859.192	435.139.870

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2024	8.400.700.384	1.023.400.000	159.620.952.537	536.000.000	169.581.052.921
Mua trong năm	-	-	15.877.353.169	-	15.877.353.169
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(19.599.452.078)	-	(19.599.452.078)
Số dư Tại ngày 30/6/2024	8.400.700.384	1.023.400.000	155.898.853.628	536.000.000	165.858.954.012

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số dư tại ngày 01/01/2024	1.155.070.028	554.733.303	74.413.124.419	378.500.000	76.501.427.750
Khấu hao trong năm	402.535.014	103.891.675	9.501.390.785	45.000.000	10.052.817.474
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(17.270.370.044)	-	(17.270.370.044)
Số dư Tại ngày 30/6/2024	1.557.605.042	658.624.978	66.644.145.160	423.500.000	69.283.875.180
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 01/01/2024	7.245.630.356	468.666.697	85.207.828.118	157.500.000	93.079.625.171
Số dư Tại ngày 30/6/2024	6.843.095.342	364.775.022	89.254.708.468	112.500.000	96.575.078.832

8. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số dư tại ngày 01/01/2024	142.250.000	(76.937.490)	65.312.510
Mua trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	(11.874.996)	-
Số dư Tại ngày 30/6/2024	142.250.000	(88.812.486)	53.437.514

9. Chi phí XDCB dở dang

	Số dư tại ngày 01/01/2024	Tăng	Giảm	Số dư Tại ngày 30/6/2024
Chi phí XDCB DD	3.484.628.150	27.619.822.295	(19.436.178.449)	11.668.271.996
Cộng	3.484.628.150	27.619.822.295	(19.436.178.449)	11.668.271.996

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
Phải trả các bên liên quan	34.929.960.903	61.018.005.707
Công ty Cổ phần Transimex		
- Mua tài sản cố định	19.659.140.842	49.901.157.842
- Mua dịch vụ	5.501.114.127	5.610.081.091
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Teck Park Logistic	9.599.220.879	5.360.850.134
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	127.443.760	145.916.640
Công ty CP Cảng Transimex	48.600.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	12.270.052.352	11.287.653.385
Công ty TNHH Thương mại Và Dịch vụ Nguyên Giang	500.000	2.113.400.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xăng dầu An Thịnh Phát	-	1.279.030.330
Công ty TNHH Song Toàn	-	1.239.840.000
Công ty TNHH Liên Sơn Logistics	889.866.000	1.122.184.800
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức – Cửa Hàng Xăng Dầu Phú Hữu	2.541.673.151	1.088.016.830
Các nhà cung cấp khác	8.881.054.496	4.445.181.425
Cộng	47.200.013.255	72.305.659.092

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư tại ngày			Số dư Tại ngày 30/6/2024
	01/01/2024	Tăng	Giảm	
Thuế GTGT	226.167.600	10.359.611.177	(10.585.778.777)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.975.903.685	3.125.982.237	(3.052.676.054)	3.049.209.868
Thuế thu nhập cá nhân	181.578.708	499.656.308	(681.235.016)	-
Các loại thuế khác	-	26.743.064	(26.743.064)	-
Cộng	3.383.649.993	14.011.992.786	(14.346.432.911)	3.049.209.868

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa khu chế xuất	0%
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa	8%

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý 2.2024	Quý 2.2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.007.067.364	7.392.378.564
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.648.525	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	9.007.067.364	7.392.378.564
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	9.007.067.364	7.392.378.564
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.826.061.998	1.478.475.713
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm ⁽ⁱ⁾		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.826.061.998	1.478.475.713

(i)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương và thu nhập khác còn phải trả người lao động.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	319.992.316	921.558.798
Cộng	319.992.316	921.558.798

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
Quỹ hỗ trợ nhân viên	546.531.105	717.398.105
Kinh phí công đoàn	122.550.000	127.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
Khác	597.408	68.499.134
Cộng	669.678.513	913.397.239

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay

15a. Vay ngắn hạn

Khoản vay của Công ty Cổ phần Transimex- công ty mẹ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 01/01/2024	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Phân loại lại	Số dư Tại ngày 30/06/2024
Vay ngắn hạn					
Shinghan Bank	8.868.222.192	15.399.854.303	(16.093.900.729)	-	8.174.175.766
Vay dài hạn đến hạn trả Shinghan Bank	1.191.993.444		(1.191.993.444)		-
Cộng	10.060.215.636	15.399.854.303	(17.285.894.173)	-	8.174.175.766

15b. Vay dài hạn

	Số dư tại ngày 01/01/2024	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Phân loại lại	Số dư Tại ngày 30/06/2024
Shinghan Bank	2.599.845.899	13.868.333.332	-	-	16.468.179.231
Cộng	2.599.845.899	13.868.333.332	-	-	16.468.179.231

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số dư tại ngày 01/01/2024	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số dư Tại ngày 30/06/2024
Quỹ khen thưởng	2.771.040.486		(2.771.040.486)	-
Cộng	2.771.040.486		(2.771.040.486)	-

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	54.950.000.000	-	-	15.798.206.996	70.748.206.996
Tặng vốn từ lợi nhuận	5.494.860.000	-	-	-	5.494.860.000
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	(2.271.251.767)	(2.271.251.767)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(5.494.860.000)	(5.494.860.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	20.647.725.329	20.647.725.329
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>60.444.860.000</u>	-	-	<u>30.013.448.188</u>	<u>90.458.308.188</u>
Số dư đầu năm nay	60.444.860.000	-	-	30.013.448.188	90.458.308.188
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu	23.263.090.000	6.818.927.000	-	-	30.082.017.000
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-
Lợi nhuận còn lại năm nay	-	-	-	12.340.686.324	12.340.686.324
Số dư Tại ngày 30/6/2024	<u>83.707.950.000</u>	<u>6.818.927.000</u>	-	<u>42.354.134.512</u>	<u>132.881.011.512</u>

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023
Công ty Cổ phần Transimex	68.885.590.000	45.622.500.000
Các cổ đông khác	14.822.360.000	14.822.360.000
Cộng	<u>83.707.950.000</u>	<u>60.444.860.000</u>

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 31/12/2023	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Đại Thiên Sơn	98.740.000	98.740.000	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Ý tưởng của Bạn	281.896.460	281.896.460	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Đức Hải	22.937.060	22.937.060	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Thương mại Giao nhận Vận tải Khánh Vân	<u>267.710.000</u>	<u>267.710.000</u>	Công ty đã giải thể
Cộng	<u>671.283.520</u>	<u>671.283.520</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Quý 2.2024</u>	<u>Quý 2.2023</u>
	68.624.989.230	57.934.223.893
2. Giá vốn hàng bán	<u>Quý 2.2024</u>	<u>Quý 2.2023</u>
	48.629.255.180	41.164.297.257

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 2.2024	Quý 2.2023
Khoản lãi tiền gửi không kỳ hạn.	5.977.253	2.227.934
4. Chi phí tài chính	Quý 2.2024	Quý 2.2023
Chi phí lãi vay	292.734.732	594.303.826
5. Chi phí bán hàng	Quý 2.2024	Quý 2.2023
	13.350.000	13.400.000
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 2.2024	Quý 2.2023
Chi phí cho nhân viên	3.281.088.017	5.952.197.506
Chi phí đồ dùng văn phòng	491.100.919	327.948.753
Chi phí khấu hao tài sản cố định	207.205.005	5.937.498
Chi phí thuê văn phòng, bến bãi	1.479.839.394	1.262.064.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	541.547.489	336.225.353
Các chi phí khác	1.884.724.428	874.969.366
Cộng	7.885.505.252	8.759.343.086
7. Lãi trên cổ phiếu		
7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	Quý 2.2024	Quý 2.2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.181.005.366	5.913.902.851
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	177.377.702
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.370.795	5.495.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	0	0
7b. Thông tin khác		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.		
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý 2.2024	Quý 2.2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.278.762.306	14 489 905 209
Chi phí nhân công	26.527.531.191	11 803 044 672
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.064.692.470	3 556 107 837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.467.942.893	18 871 664 506
Chi phí khác	4.199.329.382	873 328 404

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

	<u>Quý 2.2024</u>	<u>Quý 2.2023</u>
Cộng	110.538.258.242	49 594 050 628

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt năm nay VND (năm trước VND)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Transimex
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics
Công ty Cổ phần Vinafreight
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MAC)
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC)
Công ty Cổ phần điện Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc
Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận Miền Trung
Công ty Cổ phần Cảng Mipec

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 NĂM 2024 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.10 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

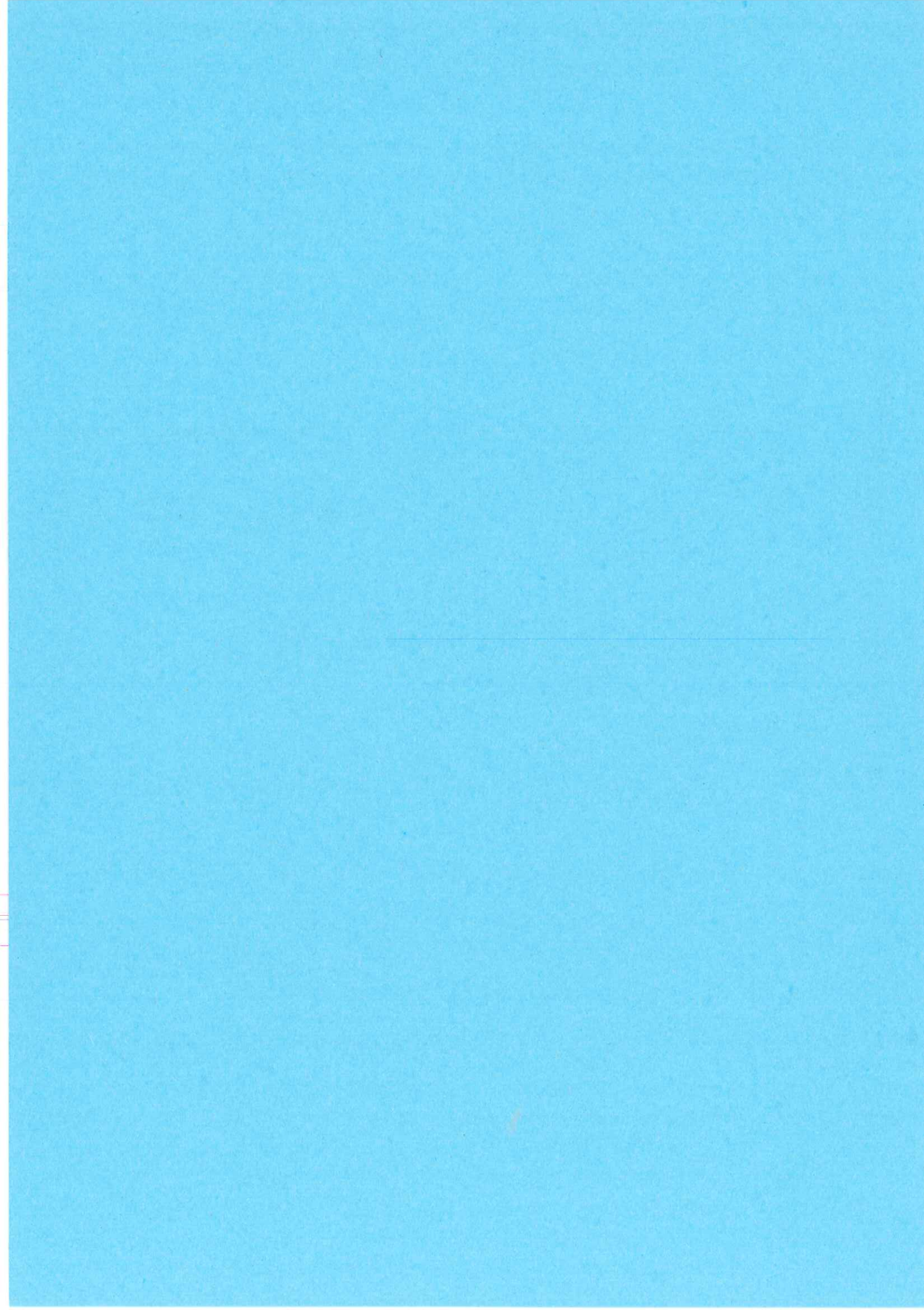
Phạm Đông Đức
Người lập biểu

Nguyễn Bảo Huy
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2024

Trần Anh Tuấn
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANSIMEX LOGISTICS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 74/2024/CV-TMS LOGS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2024

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu quý
II năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của tổ chức, quy định giải trình: “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước”.

Công ty Cổ phần Transimex Logistics giải trình số liệu chênh lệch kết quả kinh doanh quý II năm 2024 so với quý II năm 2023 như sau: Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Quý II.2023	Quý II.2024	Chênh lệch	Tỷ lệ %
Doanh thu	57.934.223.893	64.120.359.600	6.186.135.707	10.68%
Lợi nhuận khác	(15.000.000)	1.701.575.675	1.716.575.675	11.443,84%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.946.031.270	7.181.005.366	1.234.974.096	20.77%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý II năm 2024 đạt số tiền là 7.181.005.366 đồng, tương ứng tăng 20,77% so với cùng kỳ năm 2023 (5.946.031.270 đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận khác tăng.

Trân trọng ./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Tôn Thất Hưng

Chủ tịch Hội đồng quản trị